

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08-10-2019
V/v tranh chấp về ly hôn và
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hạnh

Bà Hà Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Hoàng Hải Bình - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 387/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 461/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thanh H, đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 8/3/39 T, phường K, quận L, H; chỗ ở hiện nay: Số 19 B, khu G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh L; có mặt.

- Bị đơn: Anh Trịnh Tuấn A, đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 8/3/39 T, phường K, quận L, H; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội 20 phân trại 2 Trại giam X, H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/6/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thanh H trình bày: Chị và anh Trịnh Tuấn A xây dựng gia đình với nhau

trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, quận L, H vào ngày 24 tháng 4 năm 2012, đến nay có 01 con chung là Trịnh Tuệ D, sinh ngày 30/8/2012. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn đỉnh điểm do quan điểm sống, lối sống, tính cách của vợ chồng không hòa hợp, anh Tuấn A mãi mê chơi bời, đi sớm về khuya, không quan tâm đến vợ con, chị đã nhiều lần góp ý nhưng không thay đổi. Từ đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra những cuộc tranh cãi, xích mích làm cho không khí gia đình nặng nề, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không có tiếng nói chung. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng không có kết quả, cũng từ cuối năm 2015 chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng ly thân từ đó. Hơn nữa, ngày 09/9/2016, anh Tuấn A bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt tù chung thân về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và phải chấp hành án tại trại giam X thì mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn; mặc dù chị thường xuyên đến Trại giam thăm gặp, động viên nhưng tình cảm vợ chồng thực sự rạn nứt, không thể hàn gắn được. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống chung nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tuấn A. Về con chung: Chị xin được nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên; việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị H nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại bản tự khai ngày 04/9/2019 và ngày 10/9/2019, bị đơn anh Trịnh Tuấn A trình bày: Anh xác nhận về quá trình vợ chồng lấy nhau và có con chung như chị H trình bày là đúng. Theo anh, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, nhưng đến ngày 09/9/2016 anh phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt tù chung thân và phải chấp hành án tại Trại giam X thì tình cảm vợ chồng rạn nứt. Tuy chị H vẫn thường xuyên thăm gặp, động viên nhưng tình cảm ngày càng lạnh nhạt, xa cách, khó có thể hàn gắn được. Nay chị H xin ly hôn thì anh đồng ý. Về con chung: Anh nhất trí giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Anh đồng ý để chị H nhận nộp cả án phí ly hôn sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị H và anh Tuấn A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, quận L, H vào năm 2012 và có 01 con chung là Trịnh Tuệ D, sinh ngày 30/8/2012. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng nhau về quan điểm sống, lối sống, tính cách, thường xuyên xảy ra xung đột, va chạm lẫn nhau. Hơn nữa, anh Tuấn A đang phải chấp hành án tù chung thân tại Trại giam X nên tình cảm vợ chồng càng xa cách, không thể hàn gắn được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh Tuấn A; về con chung: Giao con cho chị H nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận; về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Chị Lê Thanh H khởi kiện xin ly hôn anh Trịnh Tuấn A. Đây là tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn; bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân.

[2] Bị đơn anh Trịnh Tuấn A có đơn xin xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thanh H và anh Trịnh Tuấn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Giấy chứng nhận kết hôn số 25/2012 do Ủy ban nhân dân phường K, quận L, H vào ngày 24 tháng 4 năm 2012 nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống, lối sống, tính cách không hòa hợp, thường xuyên xảy ra va chạm, cãi vã nhau. Mặc khác, anh Tuấn A đang phải chấp hành án tại Trại giam X với mức án tù chung thân về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, lạnh nhạt. Tiến hành thu thập chứng cứ xác minh về thực trạng hôn nhân giữa chị H và anh Tuấn A tại nơi cư trú cho thấy: Vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng xích mích nhau; năm 2016 anh Tuấn A phải đi chấp hành án tại Trại giam X thì tình cảm vợ chồng càng xa cách, chị H cũng đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ để ở. Do vậy, việc chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tuấn A là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[4] Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh Tuấn A đã thực sự trầm trọng; không thể tiếp tục cuộc sống chung; mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ

vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xử cho chị Lê Thanh H được ly hôn anh Trịnh Tuấn A là phù hợp.

[5] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trịnh Tuệ D, sinh ngày 30/8/2012, chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy cháu D hiện đang ở với mẹ, có cuộc sống ổn định và có nguyện vọng được ở với mẹ, anh Tuấn A cũng có quan điểm giao con cho chị H. Vì vậy, việc chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thanh H và anh Trịnh Tuấn A.

2. Về con chung: Giao con chung là Trịnh Tuệ D, sinh ngày 30/8/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Số tiền này chị H đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân theo Biên lai thu tiền số 0013381 ngày 08 tháng 8 năm 2019. Chị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Tuấn A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- UBND phường K, L, H;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hương